

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 11-01-2018.

“V/v Ly hôn, tranh chấp
nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Văn Lô;

2/ Bà Mai Thị Bỉ.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Trần Tuấn Phan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 11/01/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số: 136/2017/TLST-HNGĐ ngày 09/10/2017 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14/12/2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1977 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện Tân Trụ, Long An.

2. *Bị đơn:* Ông Phạm Thanh B, sinh năm: 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: số xx, ấp B, thị trấn T, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/ Theo đơn khởi kiện và những lời khai tại phiên tòa của nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H trình bày:

Do mai mối và được sự đồng ý của hai bên gia đình nên năm 1997 bà và ông Phạm Thanh B sống chung, có tổ chức đám cưới. Sau đó có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số x ngày 04/6/1999.

Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại ấp B, thị trấn T, huyện Tân Trụ, tỉnh Long An đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông B nóng tính thường xuyên đánh bà, không tôn trọng gia đình bên vợ. Bà bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ tháng 5/2016 và vợ chồng cắt đứt quan hệ cho đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thanh B.

Vợ chồng có con chung tên Phạm Tấn D, sinh ngày 01/4/1999 và Phạm Minh T, sinh ngày 15/8/2005, hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Minh T, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Đối với con chung Phạm Tấn D đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nghĩa vụ trả nợ: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2/ Bị đơn ông Phạm Thanh B vắng mặt tại phiên tòa nhưng tại bản tự khai ngày 07/11/2017 có ý kiến như sau: Giữa bà H và Phạm Thị Ngọc B1 (em của ông B) có bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau và bà H bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Ông không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H.

Do ông B vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm đồng thời vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Thủ tục tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông Phạm Thanh B vẫn vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông B theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Nguyễn Thanh H có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ chấp nhận cho đương sự được ly hôn với ông Phạm Thanh B. Đây là vụ án Hôn nhân

gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với ông B, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa bà và ông B không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng đoàn tụ vợ chồng không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà và ông B cắt đứt quan hệ tình cảm vợ chồng từ tháng 5/2016 cho đến nay. Xét, hôn nhân giữa bà H và ông B có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn T cấp Giấy chứng nhận kết hôn số x ngày 04/6/1999, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Trong quá trình giải quyết, Tòa án đã tiến hành các thủ tục về cấp tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa nhưng ông B vẫn vắng mặt không có lý do. Điều này chứng minh ông B không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân giữa hai bên. Do đó, yêu cầu xin ly hôn của bà H là có cơ sở chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Vợ chồng có con chung tên Phạm Tấn D, sinh ngày 01/4/1999 và Phạm Minh T, sinh ngày 15/8/2005, hiện đang sống chung với bà H. Sau khi ly hôn bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung tên Phạm Minh T, yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Đối với con chung Phạm Tấn D đã thành niên nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét, từ khi vợ chồng không còn chung sống với nhau thì con chung sống với bà H. Mặc khác, tại bản tự khai ngày 29/8/2017 Phạm Minh T có nguyện vọng sống chung với bà H. Do đó, để ổn định tình cảm và duy trì sự sinh hoạt bình thường của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Phạm Minh T cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng.

[6] Yêu cầu cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện bà H yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 1.500.000đ/tháng nhưng tại phiên tòa bà H yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng. Xét, việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên là nghĩa vụ của cả cha và mẹ. Khi chấm dứt quan hệ hôn nhân giao con cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng, bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con. Bà H nuôi con, ông B phải cấp dưỡng. Bà H yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đ cho con chung Phạm Minh T là phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[7] Về chia tài sản và nghĩa vụ trả nợ: Bà H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử xét không đề cập xem xét.

[8] Án phí: Bà Nguyễn Thanh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định. Ông Phạm Thanh B phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; 39; 147; 228; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 51; 56; 57; 58; 81; 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thanh H và ông Phạm Thanh B.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao con chung tên Phạm Minh T, sinh ngày 15/8/2005 cho bà Nguyễn Thanh H trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2 Ông Phạm Thanh B phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng), bắt đầu ngày 11/01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Án phí:

3.1 Bà Nguyễn Thanh H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 04876 ngày 19/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà H đã nộp đủ án phí.

3.2 Ông Phạm Thanh B phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- UBND thị trấn T, huyện Tân Trụ;
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa